



Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

NGUYỄN THỊ VIỆT HỒNG

Cục Quản lý Tài nguyên nước

Thực hiện Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 9/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ TN&MT đã quyết liệt chỉ đạo tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực TN&MT. Theo đó, ngày 27/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1622/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tài nguyên nước). Đây là Quy hoạch thứ 5/38 quy hoạch ngành quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy hoạch là căn cứ, định hướng để Bộ TN&MT và các Bộ, ngành, địa phương liên quan tiếp tục tổ chức xây dựng các quy hoạch mang tính chất kỹ thuật chuyên ngành về khai thác, sử dụng nước, bảo vệ tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Quy hoạch mang ý nghĩa rất quan trọng trong việc định hướng điều hòa, phân bổ tài nguyên nước đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030).

CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH

Cơ sở cho việc lập các Quy hoạch có khai thác, sử dụng nước

Với quan điểm là nước tài nguyên đặc biệt của quốc gia, là thành phần cơ bản của hệ sinh thái tự nhiên, liên quan đến mọi hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Quy hoạch tài nguyên nước phải mang tính chiến lược, đảm bảo tầm nhìn dài hạn, định hướng tổng thể, điều hòa, phân phối tài nguyên nước đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, ổn định an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, hài hòa với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng địa phương và cộng đồng. Quy hoạch tài nguyên nước là cơ sở cho việc lập các quy hoạch ngành quốc gia có khai thác, sử dụng nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Quy hoạch định hướng tổng thể cho 6 vùng phát triển kinh tế-xã hội (Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ

và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Cửu Long), 13 lưu vực sông lớn (Bằng Giang - Kỳ Cùng, Hồng - Thái Bình, Mã, Cả, Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kôn - Hà Thanh, Ba, Sê San, Sêrêpok, Đồng Nai, Cửu Long), nhóm lưu vực sông ven biển và một số đảo trên lãnh thổ Việt Nam triển khai thực hiện trong quá trình lập quy hoạch.

Tài nguyên nước phải được quản lý, sử dụng, phát triển bền vững, tổng hợp, thống nhất theo lưu vực sông, liên vùng, liên tỉnh và được tiếp cận theo nguyên tắc thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mọi nhu cầu sử dụng nước cho phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với chức năng và khả năng đáp ứng của nguồn nước, nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, hợp lý, đa mục tiêu, BVMT, hệ sinh thái thủy sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) và đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia.

Bảo vệ tài nguyên nước cả về số lượng và chất lượng, kết hợp hài hòa giữa bảo vệ với duy trì, phát triển nguồn sinh thủy, nâng cao khả năng tích trữ nước, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; hợp tác, chia sẻ công bằng và hợp lý tài nguyên nước xuyên biên giới. Phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra với phương châm phòng ngừa là chính, giảm thiểu tối đa tổn thất.

Đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia

Quy hoạch nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia; quản lý, bảo vệ, sử

dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; điều hòa, phân phối, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra đảm bảo cân bằng giữa nhu cầu cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và BVMT, giảm thiểu tối đa thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân; kiểm soát chất lượng, trữ lượng các nguồn nước, nâng cao khả năng tích trữ nước trên các lưu vực sông, vùng kinh tế, địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phù hợp với chức năng và khả năng đáp ứng của nguồn nước trong điều kiện BĐKH.

Hướng tới quản trị tổng hợp ngành nước trên nền tảng công nghệ số; quản lý, sử dụng tài nguyên nước theo chu trình tuần hoàn, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ đa mục tiêu, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán

Mục tiêu đến năm 2030 điều hòa, phân phối tài nguyên nước công bằng, hợp lý giữa các ngành, địa phương, các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, đảm bảo chiến lược phát triển kinh tế, an sinh xã hội.

Đến năm 2025, 100% lưu vực sông lớn, quan trọng có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; đảm bảo nguồn nước góp phần nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt của dân cư đô thị đạt 95% - 100% và 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

Kiểm soát cơ bản 90% các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng



lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%.

Khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô ở các lưu vực sông, các vùng khó tiếp cận nguồn nước, đặc biệt là các vùng Nam Trung bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, vùng sâu, vùng xa và các đảo.

Ngăn chặn ô nhiễm nguồn nước

Quy hoạch đặt mục tiêu bảo vệ, kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa tình trạng gia tăng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, phấn đấu đến năm 2030 thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường đạt từ 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% tại các đô thị từ loại V trở lên.

Cải thiện, phục hồi các nguồn nước quan trọng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, ưu tiên các đoạn sông chảy qua khu vực dân cư tập trung, các nguồn nước có vai trò quan trọng cho cấp nước sinh hoạt, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội theo hướng xã hội hóa, đặc biệt là trên dòng chính sông Hồng, sông Cả, sông Vu Gia - Thu Bồn và sông Ba.

Đồng thời, hoàn thành việc khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; các ao, hồ, đầm, phá không được san lấp; phòng, chống sụt, lún do khai thác nước dưới đất; hoàn thành việc lập, công bố hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

Bảo vệ các nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa; nâng cao mức đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia lên nhóm các quốc gia đảm bảo an ninh tài nguyên nước hiệu quả trong khu vực Đông Nam Á.

Quản trị ngành nước trên nền tảng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với BĐKH.

Chủ động về nguồn nước trong mọi tình huống

Phấn đấu đến năm 2050 nâng chỉ số an ninh nguồn nước quốc gia lên nhóm các quốc gia đảm bảo an ninh nguồn nước hiệu quả trên thế giới. Hướng tới chủ động về nguồn nước trong mọi tình huống, dự báo, điều tiết nước, phòng ngừa lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với BĐKH.

Quy hoạch nêu rõ quy hoạch tài nguyên nước định hướng quản lý, điều hòa, phân phối, khai

thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra trên phạm vi toàn quốc, theo các vùng phát triển kinh tế - xã hội, theo các lưu vực sông.

Triển khai 6 giải pháp trọng tâm

Để triển khai thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch đã nêu ra 6 giải pháp trọng tâm, bao gồm:

Thứ nhất, về pháp luật, chính sách tập trung rà soát, sửa đổi bổ sung, tích hợp các quy định về quản lý nước trong một bộ luật về nước để quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước; xã hội hóa ngành nước trong các hoạt động điều tra cơ bản, đầu tư, xây dựng, phục hồi các dòng sông bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước và doanh nghiệp; thu trữ nước mưa chống ngập lụt đô thị; nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ hoạt động bảo vệ, cải tạo phục hồi nguồn nước; quản lý hoạt động dịch vụ cấp nước.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn các ủy ban lưu vực sông, đảm bảo đủ thẩm quyền, đủ nguồn lực và hoạt động hiệu lực, hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước; xây dựng, triển khai hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra và giảm thiểu tác động của BĐKH đến an ninh nguồn nước quốc gia.

Tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế trong việc ngăn ngừa, xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xã hội hóa việc cung ứng các dịch vụ về nước...

Thứ hai, về tài chính, đầu tư tập trung tăng cường đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công, các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để triển khai thực hiện quy hoạch; bổ sung nguồn vốn ngân sách cho bảo vệ, phục hồi nguồn nước. Ưu đãi các hoạt động đầu tư trong khai thác cấp nước sinh hoạt. Đa dạng các nguồn lực đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến tài nguyên nước; tăng cường, khuyến khích và huy động các nguồn lực xã hội hóa trong và ngoài nước cho công tác bảo vệ, phát triển tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, phát triển khoa học công nghệ để khai thác, sử dụng nước tiết kiệm và nâng cao hiệu quả xử lý nước thải...

Thứ ba, về khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế tập trung tăng cường nghiên cứu, hợp tác chuyển giao khoa học và công nghệ nhằm xây dựng các biện pháp, giải pháp phù hợp để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia; ưu tiên đối với các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, khai thác, sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước; dữ liệu thời tiết; dữ liệu viễn thám, GIS, thông tin ảnh vệ tinh sử dụng công nghệ thông minh, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tăng cường công tác điều tra cơ bản phục vụ quản lý bền vững các nguồn tài nguyên nước kết hợp với bảo vệ chủ quyền quốc gia nhất là ở các khu vực biên giới, hải đảo...



▲ Việt Nam phấn đấu đến năm 2030 kiểm soát, ngăn chặn suy thoái, bảo vệ hiệu quả nguồn nước

Thứ tư, tuyên truyền nâng cao nhận thức tập trung xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông có nội dung và hình thức truyền thông thích hợp cho từng nhóm đối tượng trong xã hội về pháp luật tài nguyên nước nói chung và các giải pháp về điều hòa, phân phối, bảo vệ, phát triển tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phát huy vai trò các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về các chủ trương, chính sách và pháp luật về an ninh nguồn nước...

Thứ năm, về đào tạo, tăng cường năng lực tập trung rà soát, đánh giá, kiện toàn nguồn nhân lực trong công tác quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với công tác quản lý tài nguyên nước; Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học và quản lý tài nguyên nước; Thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động quản lý tài nguyên nước, hình thành đội ngũ chuyên gia chuyên sâu ở Trung ương và địa phương...

Thứ sáu, về tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch tập trung đẩy nhanh việc triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, việc lập và triển khai thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông; tăng cường hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước cung cấp các thông tin, số liệu cho công tác lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước và xây dựng các kế hoạch sử dụng nước

nhằm chủ động nguồn nước cho các ngành, lĩnh vực; ưu tiên công tác điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất, nhất là các tầng chứa nước nằm sâu để phục vụ cấp nước sinh hoạt ở các vùng thường xuyên bị xâm nhập mặn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

KẾT LUẬN

Quy hoạch tài nguyên nước là quy hoạch tổng hợp, được triển khai thực hiện lần đầu và trong bối cảnh các quy hoạch của các ngành có khai thác sử dụng nước đã và đang triển khai thực hiện. Do đó, các định hướng quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra được xem xét tổng thể trên cơ sở tài nguyên nước theo các lưu vực sông trên phạm vi toàn quốc, hiện trạng, nhu cầu sử dụng nước của các ngành có khai thác, sử dụng nước. Trong quá trình lập Quy hoạch, Bộ TN&MT đã

phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo đồng bộ giữa quy hoạch tài nguyên nước với các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan. Theo đó, Quy hoạch tài nguyên nước có sự gắn kết với các quy hoạch ngành quốc gia khác có sử dụng nước như quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia...

Đồng thời, quy hoạch định hướng tổng thể cho 6 vùng phát triển kinh tế-xã hội (trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Cửu Long), 13 lưu vực sông lớn (Bằng Giang - Kỳ Cùng, Hồng - Thái Bình, Mã, Cả, Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kôn - Hà Thanh, Ba, Sê San, Sêrêpok, Đồng Nai, Cửu Long), nhóm lưu vực sông ven biển và một số đảo trên lãnh thổ Việt Nam triển khai thực hiện trong quá trình lập quy hoạch.

Quy hoạch kèm theo các Phụ lục: (i) Tài nguyên nước theo các vùng, các lưu vực sông; (ii) Nhu cầu sử dụng nước; (iii) Định hướng quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra theo các lưu vực sông; (iv) Định hướng quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra theo các vùng phát triển kinh tế - xã hội; (v) Danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước quy mô lớn; (vi) Danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án ưu tiên ■